

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ XTTM TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50/QĐ-TTKC&XTTM ngày
09/02/2026 của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công điều chỉnh đối với các nguồn kinh phí sau:

- Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao;
- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công không điều chỉnh đối với việc sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao không thực hiện chế độ tự chủ và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác.

2. Đối tượng áp dụng: Viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện và nguyên tắc xây dựng

1. Mục tiêu thực hiện:

Tạo điều kiện chủ động trong việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ; Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí tại Trung tâm, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính; Đảm bảo tài sản công được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả; Khuyến khích cán bộ viên chức đẩy mạnh hoạt động sự nghiệp để tăng thu, tiết kiệm chi, có tích lũy; Thực hiện công khai, dân chủ và đảm bảo sự phân phối công bằng; thực hiện quyền tự chủ, đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc xây dựng:

Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và nguồn tài chính của đơn vị; Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đối với các khoản chi thường xuyên và nguồn thu sự nghiệp, Thủ trưởng đơn vị được quyết định các định mức chi nêu

trong qui chế; tuân thủ chế độ chứng từ kế toán theo quy định hiện hành và Quy chế này.

Điều 3. Căn cứ xây dựng Quy chế

1. Hệ thống tiêu chuẩn định mức chi và chế độ quản lý, sử dụng kinh phí, sử dụng tài sản hiện hành của Nhà nước.
2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và đặc điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao của các phòng chuyên môn.
3. Dự toán chi ngân sách Nhà nước giao hàng năm thực hiện chế độ tự chủ tài chính.

Điều 4. Quy định về nội dung chi

1. Tiền lương.
2. Tiền công.
3. Phụ cấp lương.
4. Các khoản đóng góp theo lương.
5. Khen thưởng, phúc lợi tập thể.
6. Các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định.
7. Các khoản thanh toán dịch vụ công cộng (*điện, nước, vệ sinh môi trường, xăng xe...*).
8. Chi vật tư văn phòng (*văn phòng phẩm; công cụ, dụng cụ văn phòng...*).
9. Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc (*cước phí điện thoại, cước phí bưu chính, sách, báo, tạp chí...*).
10. Công tác phí (*chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, thuê phòng nghỉ...*).
11. Chi phí thuê mướn (*thuê lao động bên ngoài; thuê mướn khác*).
12. Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản (*trang thiết bị văn phòng; nhà cửa...*).
13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (*vật tư phục vụ nhiệm vụ chuyên môn, biên dịch, biên dịch tài liệu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật...*).
14. Chi hoạt động sự nghiệp, dịch vụ.
15. Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể.
16. Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác (*các khoản phí và lệ phí, bảo hiểm phương tiện...*).
17. Chi thanh toán đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương.

Thực hiện theo quy định hiện hành, khi Nhà nước điều chỉnh các quy định về tiền lương, nâng lương tối thiểu, khoản tiền lương cấp bậc, chức vụ tăng thêm theo chế độ Nhà nước quy định, được bảo đảm từ các nguồn theo quy định của Chính phủ;

Hệ số điều chỉnh tăng thêm: Hệ số điều chỉnh tăng thêm hàng năm tùy theo tình hình hoạt động thu sự nghiệp của đơn vị sẽ quy định cụ thể.

Điều 6. Khen thưởng, phúc lợi tập thể.

1. Chi khen thưởng: Chi khen thưởng thường xuyên và đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua, thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm được tập thể hội đồng thi đua khen thưởng Sở Công Thương quyết định và thực hiện theo Luật thi đua khen thưởng;

Chế độ tiền thưởng trên cơ sở thành tích công tác đột xuất và kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của từng người hưởng lương trong cơ quan, đơn vị được quy định tại Khoản 1, và khoản 2 Điều 2 Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Chi cho các hoạt động phúc lợi, trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ viên chức và các hoạt động khác:

a) Chi hỗ trợ cho CBVC ngày Tết âm lịch, Tết dương lịch, ngày Giỗ Tổ mùng 10/3, ngày Lễ 30/4 và 1/5, ngày truyền thống ngành Công Thương 14/5, ngày Quốc khánh 2.9, mức chi không quá 2.000.000 đồng/người;

b) Chi viếng đám tang đối với cha, mẹ, anh chị em thuộc Sở Công Thương, Trung tâm, lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, Lãnh đạo Bộ Công Thương, UBND huyện (đương chức và hưu trí), mức chi không quá 1.000.000 đồng/người;

c) Chi cho CBVC Sở và Trung tâm khi nhận quyết định hưởng chế độ nghỉ hưu, chuyển công tác đến đơn vị khác (hoặc nghỉ thôi việc), mức chi không quá 2.000.000 đồng/người;

d) Chi hỗ trợ cho CBVC và lao động hợp đồng khi gặp khó khăn đột xuất (bị tai nạn, ốm đau phải điều trị dài ngày trong bệnh viện...), mức chi không quá 1.000.000 đồng/người/lần/năm;

đ) Chi thăm ốm đối với CBVC và lao động hợp đồng, mức chi không quá 500.000 đồng/người/lần/năm;

e) Chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức Sở Công Thương và Trung tâm nghỉ hưu trong dịp tết Nguyên đán hàng năm, mức chi không quá 1.000.000 đồng/người;

f) Chi hỗ trợ cho các hoạt động Đảng, đoàn thể, mức chi không quá 2.000.000 đồng/01 tổ chức/01 sự kiện;

g) Chi hỗ trợ cho viên chức nữ Trung tâm nhân dịp kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 hàng năm, mức chi không quá 500.000 đồng/người;

h) Chi hỗ trợ cho các cháu thiếu niên, nhi đồng nhân dịp mừng 1/6, Tết Trung thu mức chi 200.000 đồng/01 cháu.

Điều 7. Chế độ nghỉ phép hàng năm.

Cán bộ, viên chức có đủ điều kiện được nghỉ phép hàng năm theo Luật lao động. Chế độ nghỉ phép thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 và Thông tư 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 141/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 8. Thanh toán dịch vụ công cộng.

Sử dụng điện, nước sinh hoạt: Cán bộ viên chức, lao động hợp đồng phải có ý thức tiết kiệm; nêu cao tinh thần trách nhiệm việc sử dụng điện thấp sáng, nước sinh hoạt, tắt các thiết bị điện không cần thiết khi ra khỏi phòng; hết giờ làm việc phải cắt nguồn điện. Tận dụng tối đa ánh sáng và gió tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người làm việc trong phòng giảm.

Điều 9. Sử dụng văn phòng phẩm, vật tư thiết bị văn phòng (bàn ghế, thiết bị văn phòng, mực in, phích nước...)

1. Văn phòng phẩm: Hàng quý phòng chuyên môn lập dự trù sử dụng văn phòng phẩm gửi phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại xem xét, trình lãnh đạo duyệt mua cấp phát theo nhu cầu sử dụng thực tế trên tinh thần tiết kiệm đảm bảo hoạt động của đơn vị.

2. Vật tư, thiết bị:

Các phòng, cá nhân có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiết kiệm hiệu quả toàn bộ vật tư, thiết bị được cơ quan trang bị. Nếu để hư hỏng mất mát do cá nhân gây ra, cá nhân đó có trách nhiệm sửa chữa phục hồi hoặc thay mới;

Khi thiết bị vật tư hư hỏng các phòng báo về phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại, phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và xem xét trình lãnh đạo duyệt để thực hiện sửa chữa hoặc mua sắm trang bị cho các phòng;

Việc tổ chức mua sắm thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 10. Thông tin, tuyên truyền liên lạc

1. Điện thoại tại công sở:

Các phòng được thanh toán thực tế cước phí sử dụng điện thoại, nhưng không vượt quá định mức 300.000đ/tháng/máy đối với các phòng và phòng lãnh đạo. Nếu vượt quá định mức trên các phòng tự chịu trách nhiệm chi trả phần vượt định mức.

2. Internet: Cước phí Internet được thanh toán thực tế theo hợp đồng, nhưng tối đa không quá 800.000 đồng/tháng.

3. Cước phí bưu chính:

a) Cước phí bưu chính bao gồm: cước phí gửi công văn, tài liệu, bưu phẩm, bưu kiện; chi mua tem thư (nếu có). Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại có trách nhiệm mở sổ theo dõi và thực hiện xác nhận số lượng công văn, tài liệu,... gửi đi hàng ngày.

b) Cước phí bưu chính được thanh toán theo thực tế sử dụng: Hàng tháng, căn cứ hoá đơn cước phí bưu chính do đơn vị cung cấp dịch vụ thông báo, trên cơ sở xác nhận của Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại đã thực hiện kiểm tra, đối chiếu sổ theo dõi số lượng công văn, tài liệu,... gửi đi trong tháng, Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại thực hiện thanh toán cước phí bưu chính cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

4. Sách báo, tạp chí:

a) Lãnh đạo Trung tâm: được mua báo Gia Lai (nếu có), sử dụng báo điện tử;

b) Các phòng: sử dụng báo điện tử;

c) Các loại sách, tài liệu phục vụ công tác chuyên môn, các phòng khi có nhu cầu đăng ký mua thì phải được Lãnh đạo Trung tâm duyệt.

Điều 11. Công tác phí, chế độ Hội nghị, tiếp khách.

1. Thanh toán tiền phương tiện đi công tác:

1.1 Trường hợp đi công tác bằng máy bay:

Đối tượng được sử dụng phương tiện máy bay bao gồm: Giám đốc; Phó giám đốc và cán bộ viên chức khác đi công tác cùng lãnh đạo hoặc do yêu cầu nhiệm vụ phải đi giải quyết công việc gấp thì Giám đốc sẽ xem xét, duyệt đối với từng trường hợp cụ thể;

Quy định về tiêu chuẩn vé máy bay đi công tác trong nước: Các đối tượng được sử dụng phương tiện máy bay đi công tác chỉ được mua vé hạng ghế thường;

Người đi công tác không đủ tiêu chuẩn thanh toán tiền vé máy bay theo quy định của Quy chế này, nếu đi bằng phương tiện máy bay thì được thanh toán theo mức giá cước ô tô, tàu thủy, tàu hỏa tại thời điểm đi công tác.

1.2 Trường hợp đi công tác bằng các phương tiện giao thông công cộng:

a) Người đi công tác được thanh toán tiền tàu, xe bao gồm: Vé tàu, xe vận tải công cộng từ cơ quan đến nơi công tác và ngược lại, cước qua phà, đò ngang cho bản thân và phương tiện của người đi công tác, phí sử dụng đường bộ và cước vận chuyển tài liệu phục vụ cho chuyến công tác mà người đi công tác đã trực tiếp chi trả (giá vé không bao gồm giá các dịch vụ khác như: Tham quan du lịch, tiền ăn, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu...)

b) Người đi công tác từ Phường Pleiku đến Phường Quy Nhơn và ngược lại, được thanh toán tiền vé xe theo mức khoán 200.000 đồng/người/lượt.

1.3 Trường hợp cán bộ đi công tác tự túc phương tiện:

a) Đối với Giám đốc, Phó Giám đốc có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô đưa đi công tác, nhưng cơ quan không bố trí được xe ô tô cho người đi công tác mà người

đi công tác phải tự túc phương tiện khi đi công tác cách trụ sở cơ quan 15 km trở lên thì được cơ quan thanh toán tiền khoán tự túc phương tiện đi công tác. Mức thanh toán khoán tự túc phương tiện được tính theo số km thực tế và đơn giá thuê xe 4.500 đồng/km.

b) Người đi công tác không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 15km trở lên mà tự túc bằng phương tiện cá nhân thì được thanh toán như sau:

- Xe cá nhân: khoán mức thanh toán tiền tự túc phương tiện đi công tác theo số km thực đi nhân với đơn giá khoán 3.000 đồng/km (*bao gồm tiền nhiên liệu và khấu hao xe*);

- Vận tải công cộng: mức thanh toán bằng mức giá ghi trên vé của phương tiện vận tải công cộng trên tuyến đường đó;

- Căn cứ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán kèm theo văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được Thủ trưởng cơ quan duyệt và cử đi công tác; Giấy đi đường do cơ quan cử cán bộ đi công tác cấp (*giấy đi đường phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền, đóng dấu cơ quan và có chữ ký, đóng dấu nơi đến công tác để xác định ngày đến, ngày đi*); bảng kê độ dài quãng đường đi công tác;

- Đối với người đi công tác bằng xe cá nhân ngoài Giấy đi đường như nêu trên thì phải có bảng kê độ dài quãng đường đi công tác được lãnh đạo phòng xác nhận.

2. Phụ cấp lưu trú:

Phụ cấp lưu trú là khoản tiền do cơ quan, đơn vị chi cho người đi công tác để hỗ trợ thêm cùng với tiền lương nhằm đảm bảo tiền ăn và tiền tiêu vặt cho người đi công tác, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt đi công tác trở về cơ quan, đơn vị (*bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác*). Căn cứ Nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về phụ cấp lưu trú mức thanh toán như sau:

a) Mức chi phụ cấp lưu trú để chi trả cho người đi công tác ngoài tỉnh là 300.000 đồng/ngày/người;

b) Mức chi phụ cấp lưu trú để chi trả cho người đi công tác trong tỉnh:

- Khoảng cách từ cơ quan, đơn vị đến nơi công tác từ 15 km đến dưới 50 km: 200.000 đồng/ngày/người;

- Khoảng cách từ cơ quan, đơn vị đến nơi công tác từ 50 km trở lên: 300.000 đồng/ngày/người;

- Mức chi phụ cấp lưu trú đi công tác tại Phường Quy Nhơn 150.000 đồng/ngày/người;

c) Mức chi phụ cấp lưu trú viên chức được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo: 400.000 đồng/người/ngày.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ.

a) Thanh toán theo hình thức khoán:

- Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương mức khoán 500.000 đồng/ngày/người;
- Đi công tác tại các tỉnh còn lại mức khoán 350.000 đồng/ngày/người;
- Đi công tác trong tỉnh mức khoán 250.000 đồng/ngày/người;

b) Thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (*có hoá đơn hợp pháp*) do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

- Đi công tác tại thành phố trực thuộc trung ương được thanh toán mức giá thuê phòng nghỉ tối đa không quá: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng;

- Đi công tác tại các tỉnh khác được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ không quá: 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng;

- Đi công tác trong tỉnh được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ tối đa là: 600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng;

- Trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng theo mức giá thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (*theo tiêu chuẩn 02 người/phòng*);

4. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đối với cán bộ thường xuyên phải đi công tác lưu động trên địa bàn phường Pleiku trên 10 ngày/tháng như: Văn thư, kế toán giao dịch ... thì được khoán tiền công tác phí theo tháng cho cán bộ đi công tác lưu động để hỗ trợ cán bộ tiền gửi xe, xăng xe 300.000 đồng/người/tháng. Các đối tượng cán bộ nêu trên nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán tiền phương tiện đi lại, phụ cấp lưu trú theo quy định tại (*Khoản 1,2,3 Điều 12*) đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đủ điều kiện đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

5. Cán bộ viên chức đi công tác trong khu vực dưới 15km không thanh toán chế độ công tác phí;

- Cán bộ, viên chức đi công tác theo chương trình xúc tiến thương mại hoặc khuyến công tùy vào kinh phí được cấp mà xây dựng dự toán và thanh toán theo quy định cho phù hợp.

6. Hồ sơ thanh toán công tác phí: bao gồm Giấy đi đường; thẻ lên máy bay, vé tàu, xe; hóa đơn dịch vụ; hóa đơn thuê phòng nghỉ và các chứng từ hợp pháp khác.

7. Quy trình giải quyết tạm ứng, thanh toán:

a) Quy trình tạm ứng:

- Các cá nhân khi có nhu cầu tạm ứng để đi công tác hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao lập Giấy đề nghị tạm ứng theo mẫu (*Mẫu số C42 – HD*) ghi rõ số tiền cần tạm ứng và thời hạn thanh toán trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt;
- Thời gian tạm ứng không quá 30 ngày, người đề nghị tạm ứng phải hoàn tất đầy đủ hồ sơ chứng từ để thanh toán tạm ứng. Các trường hợp khác thì thủ trưởng cơ quan xem xét, quyết định.

b) Quy trình thanh toán (*bao gồm cả các nội dung chi đã có hợp đồng*):

- Viên chức được giao thực nhiệm các nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến nội dung phải thanh toán lập Giấy đề nghị thanh toán ghi rõ nội dung thanh toán, hóa đơn chứng từ kèm theo, đơn vị và số tài khoản thụ hưởng (*Trong trường hợp thanh toán cho bên thứ ba*) và được lãnh đạo phòng xác nhận trước khi trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt thanh toán;

- Trường hợp những khoản chi phí có giá trị không quá 10 triệu đồng thì không bắt buộc phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật; trừ trường hợp quy định khác.

- Trường hợp những khoản chi không có hợp đồng (có hóa đơn) mà nội dung chi không ghi rõ định mức, số lượng cụ thể ghi trên hóa đơn thì người đề nghị thanh toán phải làm rõ cụ thể nội dung thanh toán trên giấy đề nghị thanh toán và chịu trách nhiệm về nội dung đề nghị thanh toán.

8. Chế độ Hội nghị, chi tiếp khách:

Chi hội nghị, chi tiếp khách thực hiện theo các quy định hiện hành;

Tiếp khách đến làm việc tại cơ quan phải thực hiện trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng cụ thể, Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại lập danh sách đoàn và bố trí để lãnh đạo Trung tâm hoặc người được ủy quyền tiếp khách;

- Nước uống: Khách đến làm việc tại cơ quan, đơn vị, được chi tiền nước uống tối đa không quá 20.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người;

- Tùy theo đối tượng khách trong nước đến làm việc, Thủ trưởng đơn vị xét thấy cần thiết thì quyết định việc mời cơm khách và phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp. Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại làm dự trù trình Thủ trưởng đơn vị duyệt để chi tiêu;

Mức chi tổ chức mời cơm khách trong nước tối đa không quá 300.000 đồng/người.

9. Mua sắm, sửa chữa nhỏ tài sản:

a) Mua sắm mới tài sản phục vụ công tác: Căn cứ nguồn ngân sách, dự toán ngân sách, đề xuất của các phòng, Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại đề xuất lãnh đạo quyết định mua sắm phù hợp, đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác, đảm bảo nguyên tắc đúng chế độ trên tinh thần tiết kiệm;

b) Tài sản hư hỏng: các phòng có trách nhiệm báo cáo đề xuất sửa chữa. Nếu hư hỏng do nguyên nhân chủ quan do cá nhân gây ra, tự cá nhân sửa chữa phục

hồi; nếu do yếu tố khách quan thì Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại đề xuất lãnh đạo cho sửa chữa, phục hồi lại.

Điều 12. Thanh toán chế độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo chính trị:

a) Đối tượng áp dụng cụ thể theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thông báo nhập học và quyết định cử đi học của cơ quan thẩm quyền;

c) Chứng từ biên lai thu học phí của cơ sở đào tạo.

2. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Do thủ trưởng của cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Các lớp tập huấn định kỳ hàng năm: Dân quân tự vệ; An ninh quốc phòng; Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ TÀI CHÍNH TIẾT KIỆM TỪ CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP

Điều 13. Sử dụng kinh phí tiết kiệm được từ nguồn chi thường xuyên

Kết thúc năm tài chính phân chênh lệch kinh phí thực hiện chế độ tự chủ giữa chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ, được xác định là kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được và được sử dụng theo trình tự cho các nội dung sau:

a) Bổ sung thu nhập cho cán bộ viên chức trong phạm vi nguồn kinh phí tiết kiệm được trừ những khoản chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn cho cán bộ viên chức và các hoạt động khác. Tiền lương trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức không vượt quá một (01) lần so với mức tiền lương cấp bậc, chức vụ do Nhà nước quy định và được chi trả cho cán bộ viên chức theo phương án tăng thu nhập cán bộ viên chức;

b) Phương án tăng thu nhập cho Cán bộ, viên chức: Cuối năm tái chính kế toán xác định cụ thể số tiền tiết kiệm để đề xuất phương án phân bổ thu nhập tăng thêm, phương án chi trả thu nhập tăng thêm dựa trên đánh giá xếp loại viên chức hàng năm, do hội đồng đánh giá công chức viên chức và thi đua khen thưởng hàng năm quyết định, được xếp loại A; B; C;

- Cán bộ, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ loại A;

- Cán bộ, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ loại B;

- Cán bộ, viên chức hoàn thành nhiệm vụ loại C;

Hệ số chi trả thu nhập tăng thêm:

Loại A = 1,2

Loại B = 1,0

Loại C = 0,6

Điều 14. Sử dụng nguồn thu sự nghiệp

1. Quy định về sử dụng kết quả tài chính từ nguồn thu sự nghiệp:

Hàng năm, sau khi xác định kết quả tài chính của hoạt động sự nghiệp (*theo phương án thu chi*) phần còn lại là chênh lệch thu lớn hơn chi được xác định kết quả tài chính thu sự nghiệp trong năm;

Kết quả tài chính thu sự nghiệp trong năm được sử dụng theo trình tự sau:

- Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

2. Quy định về trích các loại Quỹ thu sự nghiệp:

- a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: mức trích tối thiểu theo quy định là 5%;
- b) Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 10% nhưng không quá 1 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị;
- c) Phần còn lại dùng để làm tăng thu nhập cho CBVC theo phương án tại Điều 13 Quy chế này.

3. Sử dụng các Quỹ:

a) Quỹ phát triển sự nghiệp được sử dụng:

- Đầu tư, phát triển và nâng cao năng lực hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc;
- Chi sáng kiến, đổi mới công tác chuyên môn;
- Góp vốn liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi sử dụng như sau:

- Hỗ trợ đời sống CBVC trong các dịp lễ, tết và chi đối ngoại các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có mối quan hệ và có công đóng góp với Trung tâm;
- Trợ cấp cho CBVC và lao động hợp đồng khi gặp khó khăn đột xuất (*bị tai nạn, ốm đau phải điều trị dài ngày trong bệnh viện...*) mức chi không quá 1.000.000 đồng/người/lần/năm;
- Chi thăm ốm đối với CBVC và lao động hợp đồng mức chi không quá 500.000 đồng/người/lần/năm;
- Chi cho các hoạt động tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm cho CBVC cơ quan thì tùy theo tình hình thực tế Lãnh đạo cơ quan quyết định mức chi cụ thể.

Điều 15. Trích và phân phối thu nhập tăng thêm

1. Nguồn chi trả thu nhập tăng thêm được hình thành từ nguồn:

a) Tiết kiệm chi thường xuyên (*tính theo phương án tăng thu nhập*);

b) Nguồn thu sự nghiệp (*tính theo khoản 5 điều này*).

2. Mức chi trả: Căn cứ vào kết quả tài chính trong năm Giám đốc Trung tâm quyết định chi thu nhập bình quân tăng thêm cho viên chức, người lao động tối đa không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của viên chức, người lao động theo nguyên tắc gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.

3. Đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm

a) Cán bộ, viên chức và hợp đồng dài hạn có thời gian công tác từ 1 năm trở lên được hưởng 100%;

b) Cán bộ, viên chức và hợp đồng có thời gian làm việc không đủ 12 tháng thì được hưởng thu nhập tăng thêm theo số tháng thực tế làm việc;

c) Viên chức tập sự đang trong thời gian thử việc thì được tính như sau:

- Từ 03 đến 06 tháng được hưởng: 20%.

- Từ 06 đến 09 tháng được hưởng: 40%.

- Từ 09 đến dưới 12 tháng được hưởng: 80%.

4. Các trường hợp không được hưởng thu nhập tăng thêm khi có khoảng thời gian không đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị:

a) Cán bộ, viên chức và hợp đồng có thời gian làm việc tập sự dưới 3 tháng;

b) Cán bộ, viên chức và hợp đồng do ốm đau dài ngày phải nghỉ công tác hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định;

c) Thời gian người lao động nghỉ việc không có lý do, nghỉ không lương, nghỉ xin thôi việc.

5. Nguyên tắc chi trả: Tổng tiền thu nhập tăng thêm được tính theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Chi theo chức vụ: được tính bằng tổng tiền thu nhập tăng thêm nhân hệ số chức vụ nhân 5%;

- Tổng tiền thu nhập tăng thêm còn lại sẽ chi trả cho cán bộ, viên chức và hợp đồng lao động có đủ điều kiện theo khoản 3 Điều này.

6. Phương thức và thời gian chi trả:

a) Kết thúc năm tài chính, Kế toán xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để xây dựng tổng tiền thu nhập tăng thêm của năm để thanh toán thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức và người lao động;

b) Thời gian chi trả 3 tháng hoặc 6 tháng và cuối năm tài chính kế toán xác định chênh lệch thu chi và đề xuất thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định thời gian chi trả.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CƠ QUAN

Điều 16. Quản lý, sử dụng tài sản cơ quan

1. Quản lý tài sản: Tất cả tài sản cơ quan Kế toán mở sổ sách theo dõi theo quy định.

a) Tài sản phân cho các phòng: Trưởng phòng có trách nhiệm theo dõi quản lý (có biên bản giao nhận);

b) Tài sản phòng lãnh đạo và ngoài các phòng: Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại có trách nhiệm theo dõi quản lý;

c) Tài sản hư hỏng không sử dụng: Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị thanh lý đúng quy định.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo chế độ tự chủ, khi Nhà nước thay đổi các chế độ chính sách có liên quan đến chi tiêu theo Quy chế hoặc theo tình hình thực tế tại đơn vị khi cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3. Hàng năm Giám đốc Trung tâm kiểm soát thu, chi, ký duyệt và công khai tài chính vào cuối năm.

4. Lãnh đạo Trung tâm và toàn thể cán bộ viên chức và người lao động thực hiện Quy chế và thường xuyên phối hợp đề ra các giải pháp để thực hiện Quy chế này.

5. Ngoài những quy định tại quy chế này, mọi chế độ khác thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Phòng Hành chính và Xúc tiến thương mại chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế và báo cáo kịp thời với Giám đốc để chỉ đạo./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Thu